TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2022
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Kim Loan;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đinh Thị Thanh Thủy.

2. Bà Nguyễn Thị Song Trà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quí - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Ông Võ Hồng Phương - Kiểm sát V.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 451/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022, giữa đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm: 1987; địa chỉ: tổ 3, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

Bị đơn: Ông Dương Minh V, sinh năm: 1976; địa chỉ: tổ 5, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Xuân V – Luật sư Công ty Trách nhiệm hữu hạn L và Cộng sự, chi nhánh Quảng Ngãi thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ; địa chỉ: đường T, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Người làm chứng: Bà Châu Thanh H, sinh năm 1976 và ông Võ Thành Tr, sinh năm 1976; cùng địa chỉ: đường L, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh H và ông Dương Minh V tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

phường N, thành phố Q vào ngày 20/01/2016. Quá trình chung sống, bà H nhận thấy ông V không có trách nhiệm với gia đình, lừa bà bán đất lấy tiền trong thời kỳ hôn nhân, tiền bán đất ông V không chịu mua nhà riêng để vợ, con sinh sống, không tôn trọng bà H và cha mẹ bà H. Do tính cách ông V như vậy nên vợ chồng sống không hạnh phúc, xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, trong thời gian dài ông V không quan tâm đến cuộc sống chung, bỏ con và bà H nương nhờ gia đình cha mẹ đẻ của bà H. Nay, bà H thấy không còn tình cảm với ông V, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Dương Minh V.

- Về con chung: Bà H và ông V có 01 con chung là Dương Quán V, sinh ngày 13/12/2016; khi ly hôn, bà đồng ý giao cháu V ch o ông V nuôi dưỡng, bà H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Bà H và ông V có tài sản chung là khoản tiền chuyển nhượng thửa đất số 296, tờ bản đồ số 13 tại phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi cho bà Châu Thanh H và ông Võ Thành Tr là 1.263.800.000 đồng (1.286.000.000 đồng trừ đi các khoản chi phí cho việc chuyển nhượng là 22.200.000 đồng, còn lại 1.263.800.000 đồng), toàn bộ khoản tiền này hiện nay do ông V đang giữ. Khi ly hôn, bà H yêu cầu ông V chia cho bà ½ số tiền trên là 631.900.000 đồng.

- Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn Dương Minh V trình bày:*

Ông Dương Minh V và bà Nguyễn Thị Minh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nghĩa C, thành phố vào ngày 20/01/2016. Trong quá trình chung sống, bà H quá coi trọng chuyện tiền bạc, chỉ biết lo vun vén tiền bạc cho bản thân mình, không lo chăm lo cho gia đình, mọi chi phí, sinh hoạt lo toang trong gia đình đều do một mình ông V gánh vác. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với cha mẹ đẻ của ông V tại địa chỉ: đường H, thành phố Q thì bà H không đồng ý, bà H nói vợ chồng phải ra ở riêng và yêu cầu ông V pH mua đất, xây dựng nhà cửa ở mặt tiền, nhà hai tầng, đầy đủ tiện nghi nhưng khả năng ông V không thể đáp ứng được yêu cầu này của bà H. Do tính cách của bà H như vậy nên vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không thể hòa hợp, ông V và bà H không thể chia sẻ với nhau trong đời sống vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay, bà Nguyễn Thị Minh H xin ly hôn ông Dương Minh V đồng ý.

- Về con chung: Ông V và bà H có 01 con chung là Dương Quán V, sinh ngày 13/12/2016; hiện nay con đang ở với ông V. Khi ly hôn, ông V xin nuôi con, không yêu cầu bà H cấp dưỡng, bà H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng, ông V từ chối không nhận tiền cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Minh H yêu cầu ông Dương Minh V chia cho bà H ½ số tiền chuyển nhượng thửa đất 296, tờ bản đồ số 13 tại phường N, thành phố Q ông Dương Minh V không đồng ý, vì thửa đất số 296 là tài sản riêng của ông V. Năm 2017, ông V có mua 01 lô đất theo dự án ở An Phú S với giá tiền khoản 460.000.000 đồng, đến năm 2020 có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 296, tờ bản đồ số 13 diện tích 61.5m^2, tại phường Nghĩa C,

thành phố Q đứng tên ông Dương Minh V và bà Nguyễn Thị Minh H, số tiền nhận chuyển nhượng thửa đất này là của riêng ông V, bà H không có đóng góp gì, bà H làm ở Ban quản lý chợ Quảng Ngãi thu nhập rất thấp (2.400.000 đồng/tháng), không đủ chi tiêu, sinh hoạt cho bản thân bà H. Đến ngày 18-12-2021, ông V có chuyển nhượng thửa đất số 296 nêu trên cho bà Châu Thanh H và ông Võ Thành Tr; địa chỉ: phường T, thành phố Q với số tiền 1.286.000.000 đồng, trừ đi các chi phí cho việc chuyển nhượng là 22.200.000 đồng, còn lại 1.263.800.000 đồng, bà H và ông Tr đã chuyển tiền vào tài khoản của ông V. Hiện nay, số tiền 1.263.800.000 đồng ông V đã sử dụng trả nợ cho cha, mẹ ông V là ông Dương Mỹ K và bà Lê Thị Kim H (địa chỉ: Tổ 5, phường L, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi).

Trường hợp Hội đồng xét xử có cơ sở xác định số tiền chuyển nhượng thửa đất 296 là 1.263.800.000 đồng là tài sản chung của ông V và bà H thì đề nghị xem xét, tính đến công sức đóng góp của ông V trong việc hình thành tài sản chung.

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình, xác định số tiền chuyển nhượng thửa đất số 296, tờ bản đồ số 13 diện tích 61,5m^2 tại phường N, thành phố Q là của ông V. Trường hợp, có cơ sở xác định số tiền nêu trên là tài sản chung của ông V, bà H thì yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét tính đến phần công sức đóng góp của ông V trong việc hình thành tài sản chung của vợ chồng ông V, bà H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn bà Nguyễn Thị Minh H và ông Dương Minh V; về con chung: Giao con chung Dương Quán V, sinh ngày 13/12/2016 cho ông V nuôi dưỡng, bà H không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Bà H và ông V có tài sản chung là số tiền chuyển nhượng thửa đất số 269, tờ bản đồ số 13, diện tích 61.5m^2, tại phường N là 1.263.800.000 đồng. Khi chia tài sản chung, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến phần công sức đóng góp của ông V trong việc hình thành tài sản chung của vợ chồng; về nợ chung: Bà H và ông V trình bày không có nên không xem xét giải quyết; về án phí: Bà H và ông V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh H khởi kiện "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn"* với bị đơn ông Dương Minh V có nơi cư trú hiện nay tại: Tổ 5, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi nên

Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2016, bà Nguyễn Thị Minh H và ông Dương Minh V tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông V là hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn, bà H và ông V trình bày khác nhau. Theo bà H, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống không tin tưởng, ông V không có trách nhiệm với gia đình, không lo được nhà ở cho vợ con, ông V không tôn trọng bà H và cha mẹ bà H. Còn về phía ông V trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn do bà H quá coi trọng chuyện tiền bạc, chỉ biết lo vun vén tiền bạc cho bản thân mình, mọi chi phí, sinh hoạt lo toang trong gia đình đều do một mình ông V gánh vác. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với cha mẹ đẻ của ông V thì bà H không đồng ý, bà H nói vợ chồng phải ra ở riêng và yêu cầu ông V phải có đất, xây dựng nhà cửa ở mặt tiền, nhà hai tầng, đầy đủ tiện nghi nhưng khả năng ông V không thể đáp ứng được yêu cầu này của bà H. Từ năm 2019, bà H và ông V sống ly thân, phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Bà H yêu cầu ly hôn, ông V đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Minh H và ông Dương Minh V.

[3.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Minh H và ông Dương Minh V có 01 con chung là Dương Quán V, sinh ngày 13/12/2016. Khi ly hôn, bà H đồng ý giao con cho ông V nuôi dưỡng, bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, ông V đồng ý nuôi con chung và từ chối việc bà H cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay ông có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu V. Xét thấy, hiện nay ông V đang nuôi dưỡng cháu V, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cũng như không làm xáo trộn cuộc sống ổn định của cháu V. Hội đồng xét xử xét áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Dương Quán V cho ông Dương Minh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bà Nguyễn Thị Minh H không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung:

Theo bà Nguyễn Thị Minh H trình bày, bà và ông Dương Minh V có tài sản chung là số tiền chuyển nhượng thửa đất số 296, tờ bản đồ số 13, diện tích 61.5m^2, tại phường N, thành phố Q (sau đây viết tắt là thửa đất số 296) cho bà Châu Thanh H và ông Võ Thành Tr là 1.263.800.000 đồng (1.286.000.000 đồng trừ các chi phí cho việc chuyển nhượng là 22.200.000 đồng còn lại 1.263.800.000 đồng), hiện nay số tiền này ông V đang giữ, bà H yêu cầu ông V chia cho bà ½ số tiền này 1.263.800.000 đồng : 2 = 631.900.000 đồng.

Còn về phía ông Dương Minh V cũng thừa nhận số tiền chuyển nhượng thửa đất 296 là 1.263.800.000 đồng (1.286.000.000 đồng trừ các chi phí cho việc

chuyển nhượng là 22.200.000 đồng, còn lại 1263.800.000 đồng). Ông V không đồng ý chia cho bà H số tiền 631.900.000 đồng, mặc dù Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông V và bà H nhưng ông V cho rằng đây là tài sản riêng của ông, bà H không có đóng góp gì, bà H ở nhà nuôi con nhỏ, công việc thu nhập thấp, thời điểm 2017 lương của bà H 2.400.000 đồng/tháng, thu nhập, kinh tế của gia đình đều do ông V làm ra. Tại phiên tòa, ông V có ý kiến trường hợp Hội đồng xét xử có cở xác định số tiền 1.263.800.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng thì đề nghị xem xét, tính đến công sức đóng góp của ông V trong việc hình thành tài sản chung.

Hội đồng xét xử, xét: Theo Công văn số 1401/CNTPQN ngày 19-8-2022 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố Quảng Ngãi gửi cho Tòa án về nguồn gốc thửa đất số 296, tờ bản đồ số 13, diện tích 61.5m^2, tại phường N, thành phố Q: Ngày 29-5-2020, Công ty TNHH Bất động sản T được UBND tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành CV 019649, số vào sổ CT 16249, thửa đất số 296, tờ bản đồ số 13, diện tích 61.5m^2 ODT (Lô số N3.12-5, dự án Khu đô thị A) thuộc phường N, thành phố Q.

Ngày 20-7-2020, Công ty TNHH Bất động sản T ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Dương Minh V và bà Nguyễn Thị Minh H, số 09-7/2020/HĐCNQSDĐ-TBP-LP3 và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy nhận quyền sử dụng đất cho ông Dương Minh V và bà Nguyễn Thị Minh H, số phát hành CY 054195, số vào sổ CS 15331, cấp ngày 23-9-2020 thửa đất số 296, tờ bản đồ số 13, diện tích 61.5m^2, tại phường N, thành phố Q.

Ngày 18-12-2021, ông Dương Minh V và bà Nguyễn Thị Minh H lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Châu Thanh H và ông Võ Thành Tr, thửa đất số 296, tờ bản đồ số 13 được Văn phòng Công chứng Ngô Văn Hiền chứng thực theo Hợp đồng số 15224, quyển số 09/2021/TP/CC-SCC/HĐGD và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H, ông Tr.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ chồng bình đẳng với nhau về quyền, nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung; không phân biệt giữa lao động trong gia đình và lao động có thu nhập"*.

Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra…quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ, chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng…trong trường hợp không có căn cứ để chứng minh tài sản mà vợ, chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung*".

Khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình, quy định nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn: *"Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố sau đây: a) Hoàn cảnh gia đình của vợ và của chồng; b) Công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung…."*.

Theo Giấy chứng nhận kết hôn thể hiện bà Nguyễn Thị Minh H và ông Dương Minh V đăng ký kết hôn vào ngày 20-01-2016 tại UBND phường N,

thành phố Q. Như vậy, thửa đất số 296, tờ bản đồ số 13, diện tích 61.5m^2, tại phường N được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân của bà H và ông V. Hơn nữa, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 296 đứng tên bà H và ông V nên đây là tài sản chung của bà H và ông V. Bà H và ông V đều thừa nhận, ngày 18-12-2021 ông, bà đã nhượng thửa đất số 296 cho bà H và ông Tr, số tiền chuyển nhượng là 1.286.000.000 đồng, chi phí cho việc chuyển nhượng là 22.200.000 đồng, còn lại 1.263.800.000 đồng, hiện nay, số tiền này ông V đang giữ. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định số tiền chuyển nhượng thửa đất số 296, tờ bản đồ số 13 tại phường N, thành phố Q là 1.263.800.000 đồng là tài sản chung của bà H và ông V nên bà H, ông V có quyền, nghĩa vụ đối với tài sản thuộc sở hữu chung tương ứng với phần quyền sở hữu của mình theo quy định tại Điều 213, 218, 219 của Bộ luật Dân sự.

Tuy nhiên, khi chia tài sản chung cần xét đến công sức đóng góp của các bên trong việc tạo lập, hình thành tài sản chung. Tại phiên tòa, bà H, ông V đều thừa nhận, ông V làm việc ở Nhà máy L, còn bà H làm việc ở Ban quản lý chợ Q nên thu nhập hàng tháng của ông V cao hơn so với thu nhập của bà H nên ông V có công sức đóng góp nhiều hơn trong việc hình thành tài sản chung.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở để chia theo tỉ lệ công sức đóng góp, trong việc hình thành tài sản chung. Chia cho ông Dương Minh V 60%, chia cho bà Nguyễn Thị Minh H 40% trên số tiền 1.263.800.000 đồng, cụ thể: Chia cho ông V được nhận số tiền 1.263.800.000 đồng x 60% = 758.280.000 đồng; chia bà H được nhận số tiền 1.263.800.000 đồng x 40% = 505.520.000 đồng.

- Đối với ý kiến của ông Dương Minh V cho rằng số tiền chuyển nhượng thửa đất số 296 là tài sản riêng của ông V vì bà H không có đóng góp gì nên ông không đồng ý chia cho bà H ½. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu ông cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh tài sản nêu trên là tài sản riêng của ông nhưng ông không cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của ông là có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Nợ chung: Bà H và ông V đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí:

- Án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Do bà Nguyễn Thị Minh H và ông Dương Minh V thuận tình ly hôn nên mỗi người phải chịu 75.000 đồng tiền án phí.

- Án phí về chia tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Minh H, ông Dương Minh V mỗi người phải nộp án phí tương ứng với phần tài sản mỗi người được chia, cụ thể:

Bà Nguyễn Thị Minh H phải chịu án phí [20.000.000 đồng + (105.520.000 đồng x 4%)] = 24.220.800 đồng.

Tổng cộng bà Nguyễn Thị Minh H phải chịu 75.000 đồng + 24.220.800 đồng = 24.295.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 15.160.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000342 ngày 05/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, bà Nguyễn Thị Minh H còn pH nộp 9.135.800 đồng.

Ông Dương Minh V phải chịu [20.000.000 đồng + (358.280.000 đồng x 4%)] = 34.331.200 đồng.

Tổng cộng ông Dương Minh V phải chịu 75.000 đồng + 34.331.200 đồng = 34.406.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn có phần chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Bà H, ông V được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 207, 213, 218, 219 của Bộ luật Dân sự. Căn cứ vào các Điều 8, 9, khoản 1 Điều 29, 33, 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Minh H và ông Dương Minh V.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Quán V, sinh ngày: 13/12/2016 cho ông Dương Minh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; bà Nguyễn Thị Minh H không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Minh H và ông Dương Minh V có tài sản chung là số tiền chuyển nhượng thửa đất số 296, tờ bản đồ số 13 tại phường N, thành phố Q là 1.263.800.000 đồng. Hiện nay số tiền này ông Dương Minh V đang giữ.

- Chia cho bà Nguyễn Thị Minh H được nhận số tiền 505.520.000 đồng.

- Chia cho ông Dương Minh V được nhận số tiền 758.280.000 đồng.

Buộc ông Dương Minh V phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị Minh H số tiền 505.520.000 đồng.

4. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Minh H phải chịu 24.295.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 15.160.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000342 ngày 05/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, bà Nguyễn Thị Minh H còn phải nộp tiếp số tiền 9.135.800 đồng.

- Ông Dương Minh V phải chịu 34.406.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- CCTHADS Tp. Quảng Ngãi;
- UBND phường N;
TP.Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Loan